

Đề 6

TRẮC NGHIỆM THI CC CNTT CB

Câu 1. Các đơn vị lưu trữ thông tin của máy tính là?

- A. Bit, Byte, KB, MB, GB
- B. Boolean, Byte, MB
- C. Bit, Byte, KG, Mb, Gb
- D. Đĩa cứng, bộ nhớ

Câu 2. Cáp quang được làm bằng từ chất liệu gì:?

- A. Đồng
- B. Sắt
- C. Sợi Quang học
- D. Nhôm

Câu 3. Cấu trúc chính của máy tính gồm?

- A. Đơn vị xử lý trung tâm (CPU), Bộ nhớ chính (RAM-ROM), đĩa cứng
- B. Các thành phần nhập, các thành phần kết nối hệ thống
- C. Các thiết bị đĩa cứng, USB, CDROM, Mouse
- D. Màn hình, máy in, và phần kết nối hệ thống

Câu 4. Chọn phát biểu đúng về chức năng tìm kiếm tập tin trong Windows

- A. Ta chỉ có thể thực hiện chức năng tìm kiếm trên một ổ đĩa logic (Ví dụ: ổ C, D, ...)
- B. Ta không thể thực hiện chức năng tìm kiếm trên ổ đĩa mềm A
- C. Thực hiện nhiều chức năng cùng một lúc.
- D. Chức năng tìm kiếm trên một ổ đĩa logic (Ví dụ: ổ C, D, ...)

Câu 5. Chọn phát biểu đúng về chức năng tìm kiếm tập tin trong Windows

- A. Ta không thể thực hiện chức năng tìm kiếm trên các tập tin hình ảnh, âm thanh.
- B. Ta không thể tìm kiếm tập tin video mà nội dung của nó có chứa một hình ảnh nào đó
- C. Chức năng tìm kiếm trên các tập tin hình ảnh, âm thanh, văn bản, bảng tính
- D. Ta không thể thực hiện chức năng tìm kiếm các tập tin văn bản.

Câu 6. Chọn phát biểu đúng về chức năng tìm kiếm tập tin trong Windows

- A. Kết quả của quá trình tìm kiếm có thể không tìm thấy một tập tin nào cả
- B. Kết quả của quá trình tìm kiếm có thể tìm thấy nhiều tập tin thỏa điều kiện tìm kiếm

- C. Kết quả của quá trình tìm kiếm có thể không tìm thấy nhiều tập tin thỏa điều kiện tìm kiếm
- D. Kết quả của quá trình tìm kiếm có thể tìm thấy một hay 2 tập tin

Câu 7. Chọn phát biểu đúng về chức năng tìm kiếm tập tin trong Windows

- A. Ta có thể sử dụng ký tự đại diện (Ví dụ: *, %) để làm tiêu chuẩn tìm kiếm tập tin.
- B. Ta không thể tìm kiếm tập tin có ký tự thứ 3 của phần mở rộng là t
- C. Ta chỉ có thể thực hiện chức năng tìm kiếm tập tin, không thể tìm kiếm thư mục.
- D. Kết quả của quá trình tìm kiếm không thể có hơn 256 tập tin.

Câu 8. Cách chuyển đổi chữ hoa sang chữ thường và ngược lại, bạn sử dụng:

- A. Home - Font - Change Case
- B. Home - Font - Text Effect - Change Case
- C. Nhấn phím Shift+F3
- D. Nhấn phím F3

Câu 9. Cách nào sau đây dùng để viết chữ chỉ số trên? (ví dụ:)

- A. SHIFT+
- B. CTRL+T
- C. CTRL+SHIFT+
- D. ALT+F8

Câu 10. Chế độ xem nào sau đây cho phép bạn xem văn bản theo dạng bản in :

- A. Normal View
- B. Web Layout View
- C. Print Layout View
- D. Outline View

Câu 11. Trong word 2010, để tạo chữ nghệ thuật ta chọn chức năng:

- A. Font - text effects
- B. Insert - symbol
- C. Insert – text - wordart
- D. Insert – illustrations - pictures

Câu 12. Cho biết chức năng (Decrease Indent) trong Microsoft Word 2010:

- A. Tăng lề trái của văn bản
- B. Giảm lề trái của văn bản
- C. Xóa các ký tự trong văn bản từ bên phải qua trái
- D. Xóa các dòng trong văn bản từ bên phải qua trái

Câu 13. Kết quả của công thức sau : = INT (-4.5)

- A. 2
- B. - 4
- C. -5
- D. 0.5

Câu 14. Kết quả trả về của công thức: =OR(2>3,4<1) sẽ là:

- A. TRUE
- B. FALSE
- C. Đúng
- D. Sai

Câu 15. Khi cần so sánh khác nhau thì sử dụng kí hiệu nào:

- A. #
- B. < >
- C. ><
- D. &

Câu 16. Khi chọn trong mục Edit/ Paste Special chỉ mục Comments dùng để:

- A. Chép định dạng
- B. Chép giá trị trong ô
- C. Chép bề rộng ô
- D. Chép ghi chú

Câu 17. Khi gõ công thức xong, rồi Enter, máy hiện ra #REF! có nghĩa là:

- A. Không tìm thấy tên hàm
- B. Không tìm thấy địa chỉ tham chiếu
- C. Không tìm thấy giá trị dò tìm
- D. Hàm thiếu đối số

Câu 18. Cho biết nhóm hiệu ứng “Emphasis” trong PowerPoint 2010 dùng để:

- A. Làm đối tượng biến mất
- B. Nhấn mạnh đối tượng
- C. Làm đối tượng chuyển vị trí trên slide
- D. Làm xuất hiện đối tượng

Câu 19. Chọn lựa nào trong ứng dụng PowerPoint 2010 dùng để ẩn hiện Slide kết thúc nền màu đen:

- A. File - Options - Advanced - Slide Show chọn hoặc bỏ chọn dòng End with black slide
- B. File - Options - Advanced - Display - chọn hoặc bỏ chọn Show all windows in the Taskbar
- C. File - Options - Advanced - General - chọn hoặc bỏ chọn dòng Show add-in user interface errors

- D. File - Options - Advanced - Editing options - chọn hoặc bỏ chọn Allow text to be dragged and dropped

Câu 20. Chọn phát biểu sai:

- A. Khi tạo hiệu ứng động cho một khối văn bản ta có thể cho xuất hiện lần lượt từng từ trong khối văn bản khi trình chiếu
- B. Không thể loại bỏ hiệu ứng chuyển trang trong bài trình diễn
- C. Có thể thực hiện hiệu ứng chuyển trang cho 1 slide bất kỳ trong bài trình diễn
- D. Có thể thực hiện hiệu ứng chuyển trang cho tất cả các slide trong bài trình diễn

Câu 21. Chức năng Animations - Timing Delay trong Powerpoint 2010 dùng để:

- A. Thiết lập thời gian chờ trước khi slide được trình chiếu
- B. Thiết lập thời gian chờ trước khi hiệu ứng bắt đầu
- C. Thiết lập thời gian hoạt động cho tất cả các hiệu ứng
- D. Thiết lập thời gian hoạt động cho tất cả các Slide

Câu 22. Chức năng Animations – Timing Delay dùng để:

- A. Thiết lập thời gian chờ trước khi slide được trình chiếu
- B. Thiết lập thời gian chờ trước khi hiệu ứng bắt đầu
- C. Thiết lập thời gian hoạt động cho tất cả các hiệu ứng
- D. Thiết lập thời gian chờ trước khi chuyển sang slide khác

Câu 23. Chọn phát biểu đúng về tên miền?

- A. Tên miền là tên gọi dễ nhớ ánh xạ về một địa chỉ IP
- B. Tên miền là tên giao dịch của 1 công ty hay tổ chức sử dụng trên Internet
- C. Công việc chuyển đổi từ tên miền sang địa chỉ IP do máy chủ DNS đảm trách.
- D. Tên miền là tên cho website..

Câu 24. Chọn phát biểu đúng về địa chỉ IP phiên bản 4?

- A. Địa chỉ IP bao gồm 16 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu chấm (.).
- B. Địa chỉ IP bao gồm 32 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu chấm (.).
- C. Địa chỉ IP bao gồm 64 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;).
- D. Địa chỉ IP bao gồm 32 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu phẩy (,).

Câu 25. Chương trình thường sử dụng để xem các trang web gọi là gì?

- A. Trình duyệt nội dung
- B. Trình duyệt tài liệu

- C. Trình duyệt hình ảnh.
- D. Trình duyệt web